

Soạn văn bài Đây thôn Vĩ Dạ. Nội dung tài liệu sẽ giúp các bạn nắm chắc nội dung bài học một cách đơn giản nhất. Mời các bạn học sinh và thầy cô cùng tham khảo.

Soạn mẫu 1: Đây thôn Vĩ Dạ

Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm Đây thôn Vĩ Dạ

1. Tác giả:

- Hàn Mặc Tử (1912-1940), tên thật là Nguyễn Trọng Trí, sinh ra ở Đồng Hới, Quảng Bình
- Sớm mất cha sống với mẹ tại Quy Nhơn.
- Đi làm công chức thời gian ngắn rồi mắc bệnh.
- Là nhà thơ có sức sáng tạo mãnh liệt trong phong trào Thơ mới "Ngôi sao chổi trên bầu trời thơ Việt Nam" (Chế Lan Viên)

2. Sự nghiệp

- Tác phẩm chính: Gái quê, thơ điên, xuân như ý, duyên kì ngộ, quần tiên hội
- Tâm hồn thơ ông đã thăng hoa thành những vần thơ tuyệt diệu, chẳng những gọi cho ta niềm thương cảm còn đem đến cho ta những cảm xúc thẩm mỹ kì thú và niềm tự hào về sức sáng tạo của con người
- Quá trình sáng tác thơ của ông đã thu tóm cả quá trình phát triển của thơ mới từ lãng mạn sang tượng trưng đến siêu thực

3. Bài thơ

a. Hoàn cảnh sáng tác: Nằm trong tập "Gái quê" sáng tác năm 1938 được khơi nguồn từ mối tình đơn phương của Hàn Mặc Tử với Hoàng Thị Kim Cúc.

b. Giá trị bài thơ: Lòng yêu cuộc sống, nỗi niềm trong dự cảm chia xa, niềm hi vọng mong manh về tình yêu hạnh phúc

c. Bố cục: 2 phần

Đọc, hiểu tác phẩm Đây thôn Vĩ Dạ

A. Nội dung

1. Bức tranh thôn Vĩ

a. Vĩ Dạ hừng đông

- Câu hỏi tu từ: "Sao anh...." gợi cảm giác trách cứ nhẹ nhàng cũng là lời mời gọi tha thiết.
- Cảnh thôn Vĩ: đẹp trữ tình, thơ mộng qua sự hoá thân của chủ thể trữ tình vào nhân vật.
- Con người: "Lá trúc" bóng dáng con người xuất hiện trong phong cảnh tạo nên sự hấp dẫn cho lời mời gọi.

=> Vĩ Dạ hùng dũng là cảnh của sự mời gọi, dù là mời gọi trong tưởng tượng, trong kí ức nhưng ta nghe như có tiếng thì thầm của gặp gỡ, vui tươi

b. Vĩ Dạ đêm trăng

- Hình ảnh: Gió lối gió, mây đường mây biểu hiện của sự chia cách.
- Nhân hóa: "Dòng nước.... làm nổi lên bức tranh thiên nhiên chia lìa buồn bã" sự chuyển biến về trạng thái cảm xúc của chủ thể trữ tình
- Bến sông trăng: hình ảnh lạ, gợi lên vẻ đẹp lãng mạn, nhẹ nhàng, tất cả đang đắm chìm trong bóng bèo mơ mộng, như thực như ảo.
- Câu hỏi: "Có chớ....." sáng lên hi vọng gặp gỡ nhưng lại thành ra mông lung, xa vời

=> Cảm xúc chuyển biến đột ngột từ niềm vui của hi vọng gặp gỡ sang trạng thái lo âu đau buồn thất vọng khi tác giả nhớ và mặc cảm về số phận bất hạnh của mình. Ở đó ta còn thấy được sự khao khát tha thiết đợi chờ một cách vô vọng

2. Tâm trạng của nhà thơ

- Mơ khách: Khoảng cách về thời gian, không gian
- Áo em: hư ảo, mơ hồ "hình ảnh người xưa xiết bao thân yêu nhưng xa vời, không thể tới được nên tác giả rơi vào trạng thái hụt hẫng, bàng hoàng, xót xa
- Ai biết: biểu lộ nỗi cô đơn trống vắng trong tâm hồn của tác giả đang ở thời kì đau thương nhất. Lời thơ bằng ngữ điệu hư thực gợi nỗi buồn xót xa trách móc

=> Khi hoài niệm về quá khứ xa xôi hay ước vọng về những điều không thể nhà thơ càng thêm đau đớn. Điều đó chứng tỏ tình yêu tha thiết cuộc sống của một con người luôn có khát vọng yêu thương và gắn bó với cuộc đời.

B. Nghệ thuật

- Trí tưởng tượng phong phú.
- Nghệ thuật so sánh nhân hóa, thủ pháp lấy động gợi tĩnh, sử dụng câu hỏi tu từ,..
- Hình ảnh sáng tạo, có sự hòa quyện giữa thực và ảo.

C. Ý nghĩa văn bản

Bức tranh phong cảnh Vĩ Dạ và lòng yêu đời, ham sống mãnh liệt mà đầy uẩn khúc của nhà thơ.

Tổng kết bài Đây thôn Vĩ Dạ

Ghi nhớ SGK.

Soạn mẫu 2: Đây thôn Vĩ Dạ

Đọc - hiểu văn bản

Câu 1 trang 39 SGK Ngữ văn 11 tập 2

Phân tích nét đẹp của phong cảnh và tâm trạng của tác giả trong khổ thơ đầu.

Trả lời:

Nét đẹp phong cảnh và tâm trạng của tác giả trong khổ thơ đầu:

- Khung cảnh Huế hiện lên tươi đẹp, địa điểm là thôn Vĩ Dạ, có vườn cây mướt lá, có nắng mới lên, có khóm trúc và cả bóng hình người con gái. Bầu không khí tươi tắn trẻ trung tràn đầy sức sống của vùng đất văn vật chốn kinh kì.

+ Từ “nắng” hai lần trong một câu thơ -> ấn tượng về ánh sáng tràn ngập, tươi tắn, bao phủ khắp không gian, diễn tả sự náo nức, bừng vui trước cảnh sắc yên bình, thơ mộng.

+ Vẻ đẹp của màu xanh: “Mướt”: màu xanh của sự mỡ màng, non tơ gợi sự trù phú của mảnh vườn thôn Vĩ, của xứ Huế. Từ mướt được dùng rất phù hợp, diễn tả màu xanh ở đây hơn cả xanh mướt, xanh đến bóng lên. Có như thế thì mới có thể ví màu xanh đó với màu xanh ngọc.

+ Lối so sánh độc đáo được thể hiện qua câu thơ thứ ba xanh như ngọc. Màu xanh ngọc thì rất tươi và trong suốt còn màu cây lá thì không thể trong được. Phải là sắc màu của kí ức thì mới có được độ trong veo ấy.

=> Rõ ràng cảnh vật Vĩ Dạ in rất sâu đậm trong kí ức của nhà thơ. Phải thấu hiểu và gắn bó lắm thì mới có thể viết nên câu thơ xuất thần như vậy.

+ Vẻ đẹp của người thôn Vĩ: Thấp thoáng hiện ra sau những cành trúc. Đó là nét đậm hiện ra sau những nét thanh.

+ Miền quê đẹp, thơ mộng, trữ tình, điềm đến hấp dẫn

+ Nơi người thương đang sinh sống

+ Nắng sớm, vườn cây xanh làm nền để con người xuất hiện. Tác giả không miêu tả rõ nàng nhưng người đọc dễ hình dung được đó là một thiếu nữ duyên dáng, được tôn thêm vẻ đẹp bởi các cảnh vật kia. Và cũng bởi là hình ảnh của kí ức nên khuôn mặt của người con gái đó chỉ là hình ảnh e ấp chứ không hiện diện cụ thể.

=> Vẻ đẹp của cảnh và người hòa quyện tạo nên nét quyến rũ riêng của thôn Vĩ để làm bùng cháy nỗi khát khao được về thăm thôn Vĩ dù chỉ một lần của Hàn Mặc Tử.

Câu 2 SGK Ngữ văn 11 tập 2 trang 39

Hình ảnh gió, mây, sông, trăng trong khổ thơ thứ hai gợi cảm xúc gì?

Trả lời:

Hàn Mặc Tử chuyển mạch thơ sang khổ thứ hai một cách khá đột ngột bằng những hình ảnh rất ấn tượng:

Gió theo lối gió, mây đường mây.

Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay

Thuyền ai đậu bến sông trăng đó

Có chở trăng về kịp tối nay?

- “Gió theo lối gió, mây đường mây”: Gió mây chia lìa đôi ngả cũng khiến cho dòng nước thêm nỗi buồn, nỗi cô đơn, xa vắng: “dòng nước buồn thiu”.

-> Nhà thơ dùng những cảnh vật của kí ức, của kỉ niệm để diễn tả sự chia lìa. Gió thì luôn thổi mây bay, luôn đi cùng mây nhưng giờ đây giữa chúng là cả sự ngăn cách, không hòa hợp. Rõ ràng, không phải gió mây tự chia lìa mà tâm cảm của thi nhân đã khiến gió mây chia lìa.

- Hình ảnh “hoa bắp lay” càng khiến cho cảnh vật hiu hắt, cô quạnh làm tăng nỗi buồn lên, tâm trạng như càng nặng nề, chán nản hơn.

+ Bản thân từ “lay” là từ trung tính, diễn tả một sự chuyển động, khó chuyển tải nỗi buồn. Nhưng dưới cái nhìn sâu cảm của Hàn Mặc Tử và được đặt liền kề với động từ buồn thiu nên động từ lay đã nhuộm buồn.

+ Tâm trạng thi nhân đã chi phối hết trạng thái của cảnh vật. Bản thân dòng nước và hoa bắp chẳng hàm chứa nỗi buồn, và lại chúng thường đứng liền kề nhau, nhưng giờ đây dòng nước và hoa bắp đã chia lìa. Nước buồn nên cái sự lay của hoa bắp càng khiến cho nỗi buồn đó buồn hơn.

=> Sự chia lìa đã diễn ra ngay trong cả những thứ vốn không thể chia lìa được. Động từ lay thật gợi buồn, buồn đến hiu hắt vậy. Nó là nét buồn phụ họa với gió, mây, dòng nước, hay nỗi buồn nước - mây như đã xâm chiếm vào lòng hoa bắp.

- Chú ý chữ buồn thiu: Nếu chỉ nói nước buồn không thôi thì sắc thái buồn chưa thật lộ rõ bằng buồn thiu, một nỗi buồn không đến mức sâu thẳm nhưng trĩu nặng ưu tư. Cũng nhờ dùng chữ buồn thiu này mà dòng sông có phần được nhân cách hóa, mang đầy tâm trạng đau thương của thi sĩ.

- Hình ảnh sông, trăng: Cảnh thực mà cứ như ảo, vì dòng sông không còn là dòng sông của sóng nước nữa mà là dòng sông ánh sáng, lấp lánh ánh trăng vàng. Cũng vì thế, con thuyền vốn có thể có thực trên sông đã trở thành một hình ảnh của mộng tưởng. Nó đậu trên bến sông trăng để chở trăng về một nơi nào đó trong mơ.

- Trăng của thôn Vĩ là ánh trăng đẹp đến mức huyền thoại: sông trăng và trăng được chở. Trăng không còn là ánh sáng mà đã trở thành vật thể, hình khối.

- Ánh trăng huyền diệu đó không vui mà mang nỗi sầu khôn tả bởi tiếp nối với mạch tan tác chia lìa của cửa gió của mây. Thi nhân gắng gượng hỏi có ai đó chở trăng về tối nay chăng? Một khao

khát liền kề, chia sẻ. Thế nhưng dự cảm mát mát (được thể hiện qua chữ kịp) đã khiến nỗi ngóng đợi đó trở thành vô vọng. Trăng vẫn xa cách nghìn trùng và cả chút dư tình nơi cố đô ấy cũng thêm điệu vợi. Biết là ngóng đợi, là hi vọng nhưng càng hi vọng càng rơi vào bi đát. Thuyền thì đỗ sông trăng nhưng chẳng thể chờ trăng về, như gió, như mây, như hoa bắp đã chìm trong màu xám buồn của kí ức.

- Dòng sông trong bài thơ không nhất thiết phải là Sông Hương mà có thể là bất kì con sông nào, dòng sông trong hồn Hàn Mặc Tử.

Câu 3 SGK Ngữ văn 11 trang 39 tập 2

Ở khổ thơ thứ ba, nhà thơ bộc lộ tâm sự của mình như thế nào? Chút hoài nghi trong câu thơ: "Ai biết tình ai có đậm đà?" có biểu hiện niềm tha thiết với cuộc đời không? Vì sao?

Trả lời:

* Tâm sự của nhà thơ trong khổ thơ thứ 3:

- Trong khổ thơ cuối này, nhà thơ trực tiếp tâm sự với người xứ Huế.

+ Câu thơ mở đầu như nhấn mạnh thêm nỗi xót xa (Mơ khách đường xa, khách đường xa), như lời thăm tâm sự của nhà thơ với chính mình trước lời mời của cô gái thôn Vĩ (Sao anh không về chơi thôn Vĩ?), có lẽ nhà thơ mãi chỉ là người khách quá xa xôi, hơn thế, chỉ là người khách trong mơ mà thôi. Có nhiều nguyên nhân dẫn tới suy tư ấy, nhưng chủ yếu ở đây là mặc cảm về tình người.

Câu thơ có thể hiểu theo hai nghĩa, về nghĩa thực, xứ Huế nắng nhiều, mưa nhiều nên cũng nhiều sương khói, sương khói làm tăng thêm vẻ hư ảo, mộng mơ của Huế, nhưng sương và khói đều màu trắng, "áo em" cũng màu trắng thì chỉ có thể thấy bóng người thấp thoáng, mờ ảo. Về nghĩa bóng, cái sương khói làm mờ cả bóng người ấy phải chăng tượng trưng cho bao cái huyền hoặc của cuộc đời đang làm cho tình người trở nên khó hiểu và xa vời?

- Thời gian thơ đột biến quyết liệt, tình cảm thơ nương theo đó cũng đổi thay chóng vánh. Vừa mới vui mừng đó chốc đã chua xót, ngậm ngùi.

- Tiền đề cho sự đánh mất hình hài ở khổ cuối được báo hiệu từ câu: Gió theo lối gió mây đường mây. Một khi quy luật tự nhiên bị bẻ gãy thì cõi đời cũng đâu có còn trôi chảy trên hành trình bình an của nó.

- Sự kì diệu của sương khói ấy còn ở chỗ nó gọi lên sương khói của chốn đô thành xưa, của Vĩ Dạ, sông trăng nơi đất Huế. Và hình bóng ai đó vừa là ở đây (trong kí ức) vừa là ở kia (ngoài đó). Thế nhưng đâu là trong này hay ngoài kia thì ai đó cũng cứ là của quá khứ. Một quá khứ không thể nào níu giữ: Ai biết tình ai có đậm đà.

- Vẫn yêu đời lắm lắm nhưng cũng đành bất lực. Chút dư tình vẫn thấm đượm. Tình người đâu có cách ngăn, đâu có phôi pha theo thời gian thì không vì thế mà trở cạn, vẫn còn đây miền nhung nhớ, miền luyến tiếc khôn nguôi.

+ Người bây giờ chỉ còn tro bụi trong đại từ ai (được lặp lại ở khổ cuối hai lần) và bị làm mờ đi trong sắc màu áo trắng: áo em trắng quá. Màu trắng này vừa là màu của áo và đồng thời cũng là màu của mơ. Thế giới của mơ là một thế giới vô vọng nên hình bóng người không còn rõ nét, nên sự kết nối tương thông giữa người với người càng nói thêm khoảng cách.

Mượn hình ảnh tươi đẹp để xóa đi khoảng cách: không được. Lấy cả sự chia lìa để xóa đi khoảng cách: cũng không được. Ngoài ấy và trong này vẫn vời vời cách xa.

+ Cái sự mờ nhạt ảnh được nhà thơ lí giải là tại sương khói nơi đây. Một lí do rất thơ mộng. Người không hiện rõ hình hài không phải vì thi nhân không nhớ mà chỉ tại tiết trời đong đánh kia.

- Sự hoài nghi trong câu thơ cuối:

+ Câu thơ cuối như mang chút hoài nghi mà vẫn chứa chan niềm thiết tha với cuộc đời, với một tình yêu sâu thẳm. Bởi cuộc đời vẫn đẹp là thế, thiên nhiên thôn Vĩ vẫn luôn tinh khôi, tràn trề sức sống là thế và con người nơi đây cũng thân thuộc, đẹp đẽ. Đại từ phiếm chỉ "ai" mở ra hai lớp nghĩa của câu thơ: Nhà thơ làm sao biết được tình người xứ Huế có đậm đà không, hay cũng mờ ảo, dễ có chóng tan như sương khói kia; tuy vậy người Huế có biết chăng tình cảm nhà thơ với cảnh Huế, với người Huế hết sức thắm thiết, đậm đà. Dù hiểu theo nghĩa nào thì câu thơ cũng chỉ làm tăng thêm nỗi cô đơn, trống vắng trong một tâm hồn tha thiết yêu thương con người và cuộc đời.

Câu 4 SGK trang 39 Ngữ văn 11 tập 2

Có gì đáng chú ý trong tứ thơ và bút pháp của bài thơ?

Trả lời:

- Tứ thơ: bắt đầu với cảnh đẹp thôn Vĩ bên dòng sông Hương, từ đó khơi gợi liên tưởng thực - ảo và mở ra bao nhiêu nỗi niềm cảm xúc, suy tư về cảnh và người xứ Huế với pháp phóng những mặc cảm, uẩn khúc, niềm hi vọng, niềm tin yêu.

+ Mở đầu bài thơ là một câu hỏi tác giả tự phân thân: Sao anh không về chơi thôn Vĩ?, và 11 câu tiếp theo, tác giả đã tự trả lời câu hỏi ấy bằng những hình ảnh thơ, ý thơ (như đã phân tích phía trên). Đây là tứ thơ bộc bạch tâm trạng của lòng mình.

+ Toàn bài thơ là một khối thống nhất có sự liên kết về lôgic nội tại của tâm trạng thi nhân, nhưng giữa ba khổ thơ lại có sự “nhảy cóc” về ý thơ, tứ thơ: từ cảnh vườn quê thôn Vĩ (khổ 1) đến cảnh sông trăng và thuyền trăng (khổ 2) đến cảnh “áo em trắng quá nhìn không ra” (khổ 3) ngỡ như không có liên hệ gì với nhau cả.

- Bút pháp của bài thơ: sử dụng kết hợp hài hoà điệu tả thực, tượng trưng, lãng mạn và trữ tình. Cảnh đẹp xứ Huế đậm nét tả thực mà lại có tính chất tượng trưng. Sự mơ mộng làm tăng thêm sắc thái lãng mạn. Nét chân thực của cảm xúc làm đậm thêm chất trữ tình.

Bút pháp của Hàn Mặc Tử trong bài thơ là bút pháp trữ tình thiên về gợi tả và giàu liên tưởng với những hình ảnh biểu hiện nội tâm nhằm bộc lộ tâm trạng của nhà thơ. Bài thơ có sự hoà điệu tả thực, tượng trưng, lãng mạn và trữ tình. Cho nên, cảnh đẹp xứ Huế đậm nét tả thực mà lại có tính chất tượng trưng. Sự mơ mộng làm tăng thêm sắc thái lãng mạn. Nét chân thực của cảm xúc làm đậm thêm chất trữ tình.

Luyện tập

Câu 5 trang 40 Ngữ văn 11 tập 2 SGK

Những câu hỏi trong bài thơ hướng tới ai và có tác dụng gì trong việc biểu hiện tâm trạng của tác giả?

Trả lời:

Những câu hỏi trong bài thơ không phải là những câu hỏi vấn đáp. Ở đây, tác giả hỏi để bày tỏ tâm trạng.

+ Khổ 1: Câu hỏi "Sao anh không về chơi thôn Vĩ?". Có thể là câu hỏi của cô gái Huế (cụ thể hơn là người trong mộng của Hàn Mặc Tử: Hoàng Thị Kim Cúc) mang hàm ý trách móc, hờn dỗi nhẹ nhàng; nhắc nhở, mời mọc duyên dáng. Cũng có thể hiểu chủ thể câu hỏi là chính tác giả: tự phân thân để chất vấn mình.

+ Khổ 2: Câu hỏi "Thuyền ai đậu bến sông trăng đó/ Có chở trăng về kịp tối nay?" toát lên niềm hi vọng đầy khắc khoải. Đó là khát khao, là ước vọng được giao duyên, được hội ngộ của nhà thơ gửi gắm qua chữ "kịp".

+ Khổ 3. Câu hỏi "Ai biết tình ai có đậm đà?" hỏi "Khách đường xa" hay cũng là tự hỏi mình, thể hiện tâm trạng hoài nghi. Đó là nỗi trăn trở của thi sĩ về tình người, tình đời.

Câu 6 trang 40 Ngữ văn 11 SGK tập 2

Hoàn cảnh sáng tác và nội dung bài thơ gợi cho anh (chị) cảm nghĩ gì?

Trả lời:

- Bài thơ được in trong tập "Thơ điên", được sáng tác trong một hoàn cảnh thật tối tăm, tuyệt vọng (bệnh tật giày vò, nỗi ám ảnh về cái chết, về sự xa lánh của người đời). Nội dung bài thơ thể hiện nỗi buồn, niềm khao khát của một con người tha thiết yêu đời, yêu cuộc sống, yêu thiên nhiên, yêu con người.

- Những gì Hàn Mặc Tử thể hiện trong bài thơ không chỉ là một bức tranh đẹp về miền quê đất nước, thông qua đó cho thấy tiếng lòng của một con người tha thiết yêu đời, yêu người.

→ Thương xót và cảm thông với số phận của tác giả, thêm cảm phục một con người đầy tài năng và nghị lực, con người ấy đã dùng cảm xúc của một trái tim kịhào khát tình đời, yêu cuộc sống và ham sống biết bao để rồi làm rung động trái tim bao bạn đọc qua bài thơ.

Câu 7 trang 40 SGK tập 2 Ngữ văn 11

Đây là bài thơ về tình yêu hay về tình quê? Vì sao bài thơ diễn tả tâm trạng riêng của nhà thơ lại tạo được sự cộng hưởng rộng rãi và lâu bền trong tâm hồn các thế hệ bạn đọc?

Trả lời:

- Bài thơ này làm hiện lên những vẻ đẹp về cảnh và người xứ Huế qua đó cho thấy được tình yêu thiết tha, đắm thắm của tác giả đối với quê hương đất nước, với con người xứ Huế đoan trang, địu dàng.

- Ẩn trong lớp câu ngữ, bài thơ còn thể hiện tình cảm của Hàn Mặc Tử hướng về người thôn Vĩ: nhớ mong, khắc khoải, hoài nghi, vô vọng.

- Bài thơ còn chính là tiếng lòng của tác giả - một người tài hoa đang trong một hoàn cảnh cận kề với cái chết nhưng vẫn luôn khao khát yêu đời, yêu người. Đó thứ tình cảm chân thành mà sâu sắc của Hàn Mặc Tử đã khiến cho bài thơ tạo được sự cộng hưởng rộng rãi và lâu bền trong tâm trí bạn đọc.

⇒ Qua cảnh ta hiểu được tâm tình con người, qua tình quê ta hiểu được tình đời mà nhân vật trữ tình đã thể hiện. Hay chính tình yêu cuộc đời, niềm ham sống được biểu hiện, minh chứng từ những cảm xúc tình cảm trước bức tranh quê thôn Vĩ. Từ đó, ta thấy rõ sự tiếc nuối, nỗi đau và cả sự bất lực của nhà thơ trước một mối tình xa xăm, vô vọng; nhưng vẫn hiện rõ một tấm lòng tha thiết yêu đời, yêu người.

CLICK NGAY vào **TẢI VỀ** dưới đây để download soạn văn lớp 11 bài Đây thôn Vĩ Dạ file word, pdf hoàn toàn miễn phí.